

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: ...

I./ Phân trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):

Học Sinh chọn đáp án đúng nhất và tô chữ cái tương ứng trong bảng trả lời.

Câu 1. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{2x-6} - \frac{x-2}{\sqrt{1-x}}$ là:

- A. (1;3] B. $(-\infty;1) \cup [3;+\infty)$ C. \emptyset D. $(-\infty;1) \cup (3;+\infty)$

Câu 2. Cho phương trình $2m(x+1) = x+m$. Nếu phương trình này có nghiệm x duy nhất thì nghiệm này là:

- A. $\frac{-m}{2m+1}$ B. $\frac{m}{2m-1}$ C. $\frac{m+1}{2m}$ D. $\frac{-m}{2m-1}$

Câu 3. Cho hàm số $f(x) = \sqrt{2x-7}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R} . B. Hàm số đồng biến trên $(\frac{7}{2}; +\infty)$.
 C. Hàm số đồng biến trên \mathbb{R} . D. Hàm số nghịch biến trên $(\frac{7}{2}; +\infty)$.

Câu 4. Trong các hàm số nào sau đây, hàm số nào là hàm số lẻ?

- A. $y = \sqrt{3+x} - \sqrt{3-x}$. B. $y = |x+3| + |x-3|$ C. $y = \sqrt{2x+3}$. D. $y = x^{2018} - 2017$.

Câu 5. Cho phương trình $\frac{x^2}{\sqrt{2-x}} = \frac{9}{\sqrt{2-x}}$. Nếu a là nghiệm của phương trình thì $(a^2 + 2a)$ bằng

- A. 15 B. 3 hoặc 15 C. 3 D. 8

Câu 6. Cho phương trình $|x-1| = 2x+3$. Nghiệm của phương trình nằm trong khoảng nào sau đây :

- A. $(-1; \frac{-2}{3})$ B. (0;1) C. (-1;0) D. (-5;-3)

Câu 7. Cho ba phương trình :

$$x + \sqrt{2-x} = 4 + \sqrt{2-x} \quad (1)$$

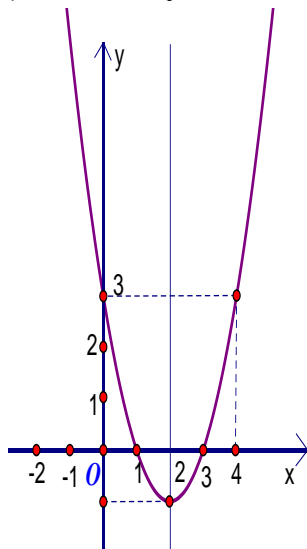
$$2x + \sqrt{x^2+1} = 5 + \sqrt{x^2+1} \quad (2)$$

$$3x - \sqrt{x^2-1} = -4 - \sqrt{x^2-1} \quad (3)$$

Trong ba phương trình này, có bao nhiêu phương trình vô nghiệm:

- A. 3 B. 1 C. 0 D. 2

Câu 8. Cho đồ thị hàm số $y = x^2 - 4x + 3$ có đồ thị (C1) như hình vẽ và đường thẳng $y = m$ (C2). Tìm m để (C1) cắt (C2) tại hai điểm phân biệt thỏa $0 < x_1 < 1$ và $3 < x_2 < 4$



- A. $0 \leq m < 3$ B. $0 < m < 3$ C. $m \leq 0$ D. $m \geq 3$

Câu 9. Cho phương trình $m^2x + m = 4x + 2$. Phương trình này vô nghiệm khi m bằng:

A. ± 2

B. 2

C. 0

D. - 2

Câu 10. Cho hàm số : $y = f(x) = 2x^2 - 5x - 10$. Giá trị của x khi $f(x) = -7$

A. $-\frac{1}{2}$ hoặc 3.B. $-\frac{1}{2}$ C. $\frac{1}{2}$ hoặc - 3D. $-\frac{1}{2}$ hoặc - 3.

II./ Phần tự luận (6,0 điểm): Học sinh làm bài vào giấy thi

Câu 1. (1,0 điểm). Cho Parabol (P) : $y = f(x) = x^2 - 2x + 2$. Khi tịnh tiến (P) sang trái 2 đơn vị ta được đồ thị hàm số nào?

Câu 2.(1,0 điểm) Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hàm số $y = \frac{x+2m+2}{x-m}$ xác định trên

$(-1; 0)$.

Câu 3.(3,0 điểm)

1/. Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị (P) của hàm số: $y = x^2 - 4x + 3$.

2/. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d) : $y = x + 9$.

Câu 4: (1,0 điểm) Giải phương trình: $x^2 - 2x - 2|x - 1| + m + 2 = 0$. Tìm điều kiện của m để phương trình trên có bốn nghiệm phân biệt?

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: ...

I./ Phần trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):

Học Sinh chọn đáp án đúng nhất và tô chữ cái tương ứng trong bảng trả lời.

Câu 1. Cho phương trình $|x-1|=2x+3$. Nghiệm của phương trình nằm trong khoảng nào sau đây :

- A. (0;1) B. $\left(-1; \frac{-2}{3}\right)$ C. (-1;0) D. (-5;-3)

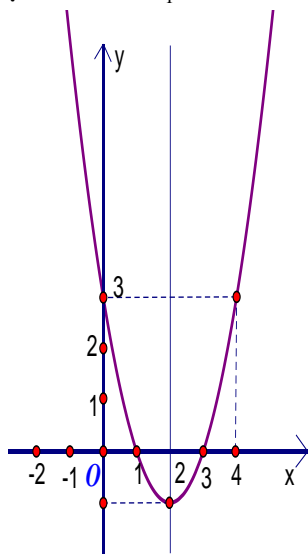
Câu 2. Cho phương trình $\frac{x^2}{\sqrt{2-x}} = \frac{9}{\sqrt{2-x}}$. Nếu a là nghiệm của phương trình thì $(a^2 + 2a)$ bằng

- A.3 B.15 C.8 D.3 hoặc 15

Câu 3. Cho phương trình $2m(x+1) = x+m$. Nếu phương trình này có nghiệm x duy nhất thì nghiệm này là:

- A. $\frac{-m}{2m-1}$ B. $\frac{-m}{2m+1}$ C. $\frac{m+1}{2m}$ D. $\frac{m}{2m-1}$

Câu 4. Cho đồ thị hàm số $y = x^2 - 4x + 3$ có đồ thị (C1) như hình vẽ và đường thẳng $y = m$ (C2). Tìm m để (C1) cắt (C2) tại hai điểm phân biệt thỏa $0 < x_1 < 1$ và $3 < x_2 < 4$



- A. $0 < m < 3$ B. $0 \leq m < 3$ C. $m \geq 3$ D. $m \leq 0$

Câu 5. Cho hàm số : $y = f(x) = 2x^2 - 5x - 10$. Giá trị của x khi $f(x) = -7$

- A. $-\frac{1}{2}$ hoặc 3. B. $-\frac{1}{2}$ C. $\frac{1}{2}$ hoặc - 3 D. $-\frac{1}{2}$ hoặc - 3.

Câu 6. Cho hàm số $f(x) = \sqrt{2x-7}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A.Hàm số đồng biến trên \mathbb{R} . B.Hàm số đồng biến trên $\left(\frac{7}{2}; +\infty\right)$.
 C.Hàm số nghịch biến trên $\left(\frac{7}{2}; +\infty\right)$. D.Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R} .

Câu 7. Cho phương trình $m^2x + m = 4x + 2$. Phương trình này vô nghiệm khi m bằng:

- A. - 2 B. 2 C. ± 2 D. 0

Câu 8. Trong các hàm số nào sau đây, hàm số nào là hàm số lẻ?

- A. $y = \sqrt{3+x} - \sqrt{3-x}$. B. $y = |x+3| + |x-3|$ C. $y = x^{2018} - 2017$. D. $y = \sqrt{2x+3}$.

Câu 9. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{2x-6} - \frac{x-2}{\sqrt{1-x}}$ là:

- A. (1;3] B. \emptyset C. $(-\infty; 1) \cup (3; +\infty)$ D. $(-\infty; 1) \cup [3; +\infty)$

Câu 10. Cho ba phương trình :

$$x + \sqrt{2-x} = 4 + \sqrt{2-x} \quad (1)$$

$$2x + \sqrt{x^2+1} = 5 + \sqrt{x^2+1} \quad (2)$$

$$3x - \sqrt{x^2-1} = -4 - \sqrt{x^2-1} \quad (3)$$

Trong ba phương trình này, có bao nhiêu phương trình vô nghiệm:

A.1

B.3

C.0

D.2

II./ Phần tự luận (6,0 điểm): Học sinh làm bài vào giấy thi

Câu 1. (1,0 điểm). Cho Parabol (P) : $y = f(x) = x^2 - 2x + 2$. Khi tịnh tiến (P) sang trái 2 đơn vị ta được đồ thị hàm số nào?

Câu 2.(1,0 điểm) Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hàm số $y = \frac{x+2m+2}{x-m}$ xác định trên

$(-1;0)$.

Câu 3.(3,0 điểm)

1/. Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị (P) của hàm số: $y = x^2 - 4x + 3$.

2/. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d): $y = x + 9$.

Câu 4: (1,0 điểm) Giải phương trình: $x^2 - 2x - 2|x-1| + m + 2 = 0$. Tìm điều kiện của m để phương trình trên có bốn nghiệm phân biệt?

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: ...

Mã đề: 216

I./ Phần trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):

Học Sinh chọn đáp án đúng nhất và tô chữ cái tương ứng trong bảng trả lời.

Câu 1. Cho phương trình $\frac{x^2}{\sqrt{2-x}} = \frac{9}{\sqrt{2-x}}$. Nếu a là nghiệm của phương trình thì $(a^2 + 2a)$ bằng

- A.3 hoặc 15 B.15 C.3 D.8

Câu 2. Cho phương trình $|x-1|=2x+3$. Nghiệm của phương trình nằm trong khoảng nào sau đây :

- A. $(-5; -3)$ B. $(-1; \frac{-2}{3})$ C. $(0; 1)$ D. $(-1; 0)$

Câu 3. Cho ba phương trình :

$$x + \sqrt{2-x} = 4 + \sqrt{2-x} \quad (1)$$

$$2x + \sqrt{x^2+1} = 5 + \sqrt{x^2+1} \quad (2)$$

$$3x - \sqrt{x^2-1} = -4 - \sqrt{x^2-1} \quad (3)$$

Trong ba phương trình này, có bao nhiêu phương trình vô nghiệm:

- A.0 B.2 C.1 D.3

Câu 4. Cho hàm số : $y = f(x) = 2x^2 - 5x - 10$. Giá trị của x khi $f(x) = -7$

- A. $-\frac{1}{2}$ hoặc 3. B. $-\frac{1}{2}$ C. $-\frac{1}{2}$ hoặc - 3. D. $\frac{1}{2}$ hoặc - 3

Câu 5. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{2x-6} - \frac{x-2}{\sqrt{1-x}}$ là:

- A. \emptyset B. $(-\infty; 1) \cup (3; +\infty)$ C. $(1; 3]$ D. $(-\infty; 1) \cup [3; +\infty)$

Câu 6. Cho hàm số $f(x) = \sqrt{2x-7}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. Hàm số đồng biến trên \mathbb{R} . B. Hàm số đồng biến trên $(\frac{7}{2}; +\infty)$.
 C. Hàm số nghịch biến trên \mathbb{R} . D. Hàm số nghịch biến trên $(\frac{7}{2}; +\infty)$.

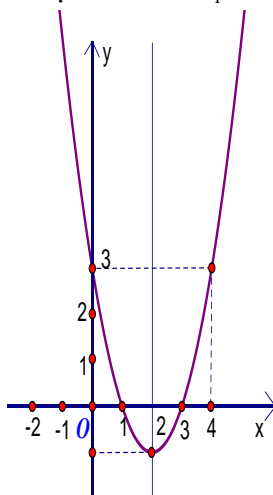
Câu 7. Trong các hàm số nào sau đây, hàm số nào là hàm số lẻ?

- A. $y = \sqrt{2x+3}$. B. $y = |x+3| + |x-3|$ C. $y = \sqrt{3+x} - \sqrt{3-x}$. D. $y = x^{2018} - 2017$.

Câu 8. Cho phương trình $m^2x + m = 4x + 2$. Phương trình này vô nghiệm khi m bằng:

- A.0 B.2 C.- 2 D. ± 2

Câu 9. Cho đồ thị hàm số $y = x^2 - 4x + 3$ có đồ thị (C1) như hình vẽ và đường thẳng $y = m$ (C2). Tìm m để (C1) cắt (C2) tại hai điểm phân biệt thỏa $0 < x_1 < 1$ và $3 < x_2 < 4$



- A. $0 \leq m < 3$ B. $m \geq 3$ C. $0 < m < 3$ D. $m \leq 0$

Câu 10. Cho phương trình $2m(x+1) = x+m$. Nếu phương trình này có nghiệm x duy nhất thì nghiệm này là:

A. $\frac{m}{2m-1}$

B. $\frac{-m}{2m-1}$

C. $\frac{m+1}{2m}$

D. $\frac{-m}{2m+1}$

II./ Phần tự luận (6,0 điểm): Học sinh làm bài vào giấy thi

Câu 1. (1,0 điểm). Cho Parabol (P) : $y = f(x) = x^2 - 2x + 2$. Khi tịnh tiến (P) sang trái 2 đơn vị ta được đồ thị hàm số nào?

Câu 2.(1,0 điểm) Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hàm số $y = \frac{x+2m+2}{x-m}$ xác định trên

$(-1;0)$.

Câu 3.(3,0 điểm)

1/. Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị (P) của hàm số: $y = x^2 - 4x + 3$.

2/. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d): $y = x + 9$.

Câu 4: (1,0 điểm) Giải phương trình: $x^2 - 2x - 2|x-1| + m + 2 = 0$. Tìm điều kiện của m để phương trình trên có bốn nghiệm phân biệt?

----- **Hết** -----

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: ...

I./ Phần trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):

Học Sinh chọn đáp án đúng nhất và tô chữ cái tương ứng trong bảng trả lời.

Câu 1. Cho phương trình $|x-1|=2x+3$. Nghiệm của phương trình nằm trong khoảng nào sau đây :

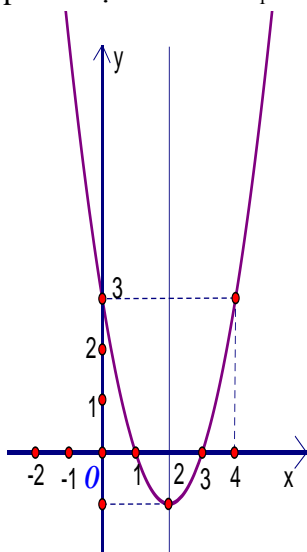
- A. $(-5; -3)$ B. $(-1; 0)$ C. $(0; 1)$ D. $\left(-1; \frac{-2}{3}\right)$

Câu 2. Trong các hàm số nào sau đây, hàm số nào là hàm số lẻ?

- A. $y = x^{2018} - 2017$. B. $y = \sqrt{2x+3}$. C. $y = |x+3| + |x-3|$ D. $y = \sqrt{3+x} - \sqrt{3-x}$.

Câu 3. Cho đồ thị hàm số $y = x^2 - 4x + 3$ có đồ thị (C1) hàm số như hình vẽ và đường thẳng $y = m$ (C2).

Tìm m để (C1) cắt (C2) tại hai điểm phân biệt thỏa $0 < x_1 < 1$ và $3 < x_2 < 4$



- A. $0 < m < 3$ B. $0 \leq m < 3$ C. $m \leq 0$ D. $m \geq 3$

Câu 4. Tập xác định của hàm số $y = \sqrt{2x-6} - \frac{x-2}{\sqrt{1-x}}$ là:

- A. $(-\infty; 1) \cup [3; +\infty)$ B. $(-\infty; 1) \cup (3; +\infty)$ C. $(1; 3]$ D. \emptyset

Câu 5. Cho phương trình $\frac{x^2}{\sqrt{2-x}} = \frac{9}{\sqrt{2-x}}$. Nếu a là nghiệm của phương trình thì $(a^2 + 2a)$ bằng

- A. 3 B. 8 C. 15 D. 3 hoặc 15

Câu 6. Cho hàm số : $y = f(x) = 2x^2 - 5x - 10$. Giá trị của x khi $f(x) = -7$

- A. $-\frac{1}{2}$ B. $-\frac{1}{2}$ hoặc 3. C. $-\frac{1}{2}$ hoặc - 3. D. $\frac{1}{2}$ hoặc - 3

Câu 7. Cho phương trình $m^2x + m = 4x + 2$. Phương trình này vô nghiệm khi m bằng:

- A. 0 B. 2 C. ± 2 D. - 2

Câu 8. Cho ba phương trình :

$x + \sqrt{2-x} = 4 + \sqrt{2-x}$ (1)

$2x + \sqrt{x^2+1} = 5 + \sqrt{x^2+1}$ (2)

$3x - \sqrt{x^2-1} = -4 - \sqrt{x^2-1}$ (3)

Trong ba phương trình này, có bao nhiêu phương trình vô nghiệm:

- A. 3 B. 2 C. 0 D. 1

Câu 9. Cho phương trình $2m(x+1) = x+m$. Nếu phương trình này có nghiệm x duy nhất thì nghiệm này là:

- A. $\frac{m+1}{2m}$ B. $\frac{m}{2m-1}$ C. $\frac{-m}{2m+1}$ D. $\frac{-m}{2m-1}$

Câu 10. Cho hàm số $f(x) = \sqrt{2x-7}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Hàm số đồng biến trên \mathbb{R} .

B. Hàm số Nghịch biến trên \mathbb{R} .

C. Hàm số đồng biến trên $\left(\frac{7}{2}; +\infty\right)$.

D. Hàm số nghịch biến trên $\left(\frac{7}{2}; +\infty\right)$.

II./ Phần tự luận (6,0 điểm): Học sinh làm bài vào giấy thi

Câu 1. (1,0 điểm). Cho Parabol (P) : $y = f(x) = x^2 - 2x + 2$. Khi tịnh tiến (P) sang trái 2 đơn ta được đồ thị hàm số nào?

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hàm số $y = \frac{x+2m+2}{x-m}$ xác định trên $(-1; 0)$.

Câu 3. (3,0 điểm)

1/. Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị (P) của hàm số: $y = x^2 - 4x + 3$.

2/. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d): $y = x + 9$.

Câu 4: (1,0 điểm) Giải phương trình: $x^2 - 2x - 2|x-1| + m + 2 = 0$. Tìm điều kiện của m để phương trình trên có bốn nghiệm phân biệt?

----- **Hết** -----

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Giám thị 1:
Họ tên:
Chữ ký:
Giám thị 2:
Họ tên:
Chữ ký:

1. Tỉnh/TP :

2. Hội đồng coi thi:

3. Phòng thi:

4. Họ và tên thí sinh:
.....Lớp:

5. Ngày sinh:/...../.....

6. Chữ ký:

7. Môn thi:

8. Ngày thi:/...../.....

9. Số báo danh	10. Mã đề																																																																																										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr> <tr><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td><td>2</td></tr> <tr><td>3</td><td>3</td><td>3</td><td>3</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>4</td><td>4</td><td>4</td><td>4</td><td>4</td><td>4</td></tr> <tr><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td></tr> <tr><td>6</td><td>6</td><td>6</td><td>6</td><td>6</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td><td>7</td></tr> <tr><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td></tr> <tr><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td></tr> </table>	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4	4	4	5	5	5	5	5	5	6	6	6	6	6	6	7	7	7	7	7	7	8	8	8	8	8	8	9	9	9	9	9	9	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr> <tr><td>1</td><td>1</td><td>1</td></tr> <tr><td>2</td><td>2</td><td>2</td></tr> <tr><td>3</td><td>3</td><td>3</td></tr> <tr><td>4</td><td>4</td><td>4</td></tr> <tr><td>5</td><td>5</td><td>5</td></tr> <tr><td>6</td><td>6</td><td>6</td></tr> <tr><td>7</td><td>7</td><td>7</td></tr> <tr><td>8</td><td>8</td><td>8</td></tr> <tr><td>9</td><td>9</td><td>9</td></tr> </table>	0	0	0	1	1	1	2	2	2	3	3	3	4	4	4	5	5	5	6	6	6	7	7	7	8	8	8	9	9	9
0	0	0	0	0	0																																																																																						
1	1	1	1	1	1																																																																																						
2	2	2	2	2	2																																																																																						
3	3	3	3	3	3																																																																																						
4	4	4	4	4	4																																																																																						
5	5	5	5	5	5																																																																																						
6	6	6	6	6	6																																																																																						
7	7	7	7	7	7																																																																																						
8	8	8	8	8	8																																																																																						
9	9	9	9	9	9																																																																																						
0	0	0																																																																																									
1	1	1																																																																																									
2	2	2																																																																																									
3	3	3																																																																																									
4	4	4																																																																																									
5	5	5																																																																																									
6	6	6																																																																																									
7	7	7																																																																																									
8	8	8																																																																																									
9	9	9																																																																																									

Học sinh chú ý : - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách.- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì đen tô kín các ô tròn trong mục **Số báo danh, Mã đề** trước khi làm bài.

Phản trả lời : Số thứ tự các câu trả lời dưới đây ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, học sinh chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời đúng.

- | | | | |
|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 01. (A) (B) (C) (D) | 04. (A) (B) (C) (D) | 07. (A) (B) (C) (D) | 10. (A) (B) (C) (D) |
| 02. (A) (B) (C) (D) | 05. (A) (B) (C) (D) | 08. (A) (B) (C) (D) | |
| 03. (A) (B) (C) (D) | 06. (A) (B) (C) (D) | 09. (A) (B) (C) (D) | |

Họ tên học sinh:SBD:Lớp: ...

I./ Phần trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm):

Học Sinh chọn đáp án đúng nhất và tô chữ cái tương ứng trong bảng trả lời.

Đáp án mã đề: 148

- | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 04. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 07. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 10. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D |
| 02. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | 05. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 08. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | |
| 03. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 06. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 09. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | |

Đáp án mã đề: 182

- | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 04. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 07. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 10. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D |
| 02. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 05. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 08. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | |
| 03. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 06. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 09. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | |

Đáp án mã đề: 216

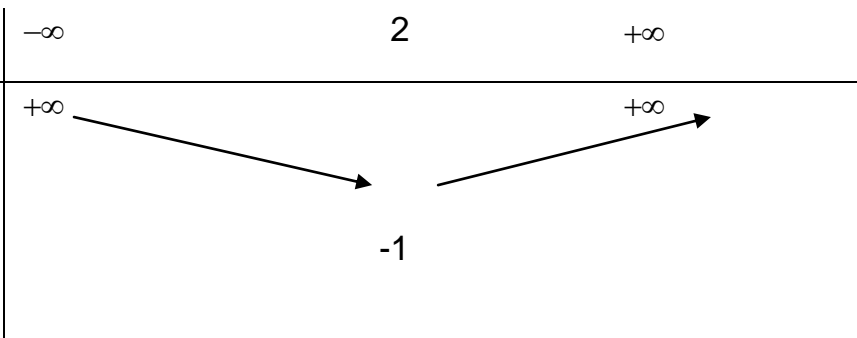
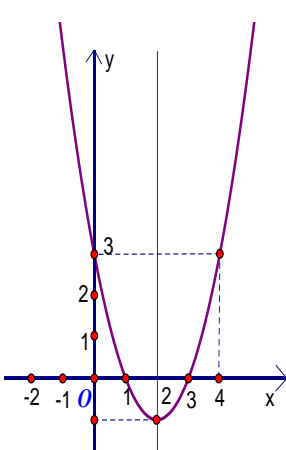
- | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 04. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 07. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 10. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D |
| 02. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | 05. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 08. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | |
| 03. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 06. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 09. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D | |

Đáp án mã đề: 250

- | | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 04. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | 07. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | 10. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input checked="" type="radio"/> C <input type="radio"/> D |
| 02. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | 05. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 08. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | |
| 03. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 06. <input type="radio"/> A <input checked="" type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input type="radio"/> D | 09. <input type="radio"/> A <input type="radio"/> B <input type="radio"/> C <input checked="" type="radio"/> D | |

ĐÁP ÁN

CÂU	Ý	NỘI DUNG	ĐIỂM
1		Cho Parabol $y = f(x) = x^2 - 2x + 2$. Khi tịnh tiến (P) sang trái 2 đơn ta được đồ thị hàm số nào?	
		Tịnh tiến sang trái 2 đơn vị: $f(x+2) = (x+2)^2 - 2(x+2) + 2$	0,5
		$f(x+2) = x^2 + 2x + 2$	0,5

2	Tìm tất cả các giá trị thực của tham số m để hàm số $y = \frac{x+2m+2}{x-m}$ xác định trên $(-1;0)$.									
	Hàm số xác định khi $x-m \neq 0 \Leftrightarrow x \neq m \Rightarrow txd: \mathbb{R} \setminus \{m\}$	0,5								
	Hs xd trên $(-1;0) \Leftrightarrow m \notin (-1;0) \Leftrightarrow \begin{cases} m \geq 0 \\ m \leq -1 \end{cases}$	0,5								
3	1/. Lập bảng biến thiên và vẽ đồ thị (P) của hàm số: $y = x^2 - 4x + 3$. 2/. Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d): $y = x + 9$.									
1	BBT: <table style="margin-left: 20px;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px; text-align: center;">2</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">y</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> <td style="padding: 5px; text-align: center;">-1</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> </table> 	x	$-\infty$	2	$+\infty$	y	$+\infty$	-1	$+\infty$	0,5
x	$-\infty$	2	$+\infty$							
y	$+\infty$	-1	$+\infty$							
	Đỉnh I(2; -1)	0,25								
	Trục đối xứng là đường thẳng: $x = 2$	0,25								
	Giao điểm của đồ thị và trục tung: (0; 3)									
	Giao điểm của đồ thị và trục hoành: (1; 0) và (3; 0)	0,25								
	Đồ thị: 	0,75								
2	Tìm tọa độ giao điểm của (P) và đường thẳng (d): $y = x + 9$.									
	Hoành độ giao điểm của (P) và (d) là nghiệm của phương trình:	0,5								

		$x^2 - 4x + 3 = x + 9 \Leftrightarrow x^2 - 5x - 6 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -1 \\ x = 6 \end{cases}$	
		Vậy có hai giao điểm có tọa độ là: (-1; 8) và (6; 15).	0,5
4		Giải phương trình: $x^2 - 2x - 2 x - 1 + m + 2 = 0$. Tìm điều kiện của m để phương trình trên có bốn nghiệm phân biệt?	
		Đặt $t = x - 1 \geq 0$	0,25
		Phương trình ban đầu trở thành: $t^2 - 2t + m + 1 = 0$ (1)	0,25
		Để thỏa mãn ban đầu thì Pt (1) có hai nghiệm dương phân biệt: $\Leftrightarrow \begin{cases} \Delta' > 0 \\ S > 0 \\ P > 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m < 0 \\ 2 > 0 \\ m > -1 \end{cases} \Leftrightarrow -1 < m < 0.$	0,25x2